

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: ông Lê Phước Thanh

ông Nguyễn Tấn Long

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh), Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số 180/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 651/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Cu Đỗ Thi T - sinh năm 1928 (chết ngày 21/11/2018).

* *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ Đỗ Thị T:*

1/ Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1954; cư trú tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng L – sinh năm 1955. Vắng.

3/ Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1967. Vắng.

4/ Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1976. Vắng.

Cùng cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1972; cư trú tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
Vắng.

6/ Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1975; tỉnh Bình Dương. Vắng.

7/ Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm 1987; T phố Hồ Chí Minh. Vắng.

8/ Chị Nguyễn Thị Lệ T – sinh năm 1989; cư trú tại tỉnh Kon Tum. Vắng.

9/ Anh Nguyễn Hữu T - sinh năm 1995; cư trú tại T phố Hồ Chí Minh. Vắng.

10/ Bà Đỗ Thị Phi Y – sinh năm 1952; cư trú tại tổ dân phố 5, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

** Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Hữu T, bà Đỗ Thị Phi Y, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Lệ T: Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1979; cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.*

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03, 04, 14 và 15/01/2019, ngày 18/3/2019, ngày 05/4/2019 và ngày 03/5/2019).

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S:*

1. Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1979; cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019 và ngày 02/4/2021).

2. Anh Nguyễn T N – sinh năm 1995; cư trú thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2020).

3. Anh Lê Văn M – sinh năm 1972; địa chỉ: Đà Nẵng. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2023).

** Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hữu T:*

1. Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1979; cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2019).

2. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1996; địa chỉ liên hệ số 276 đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2021).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P – sinh năm 1958; cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1979. Có mặt.

Hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Cư trú tại T phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2020).

Anh Nguyễn Minh T (vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị P và anh Nguyễn Minh T) ủy quyền lại cho anh Lưu Đức Vĩnh N – sinh năm 1986; cư trú tại T phố Hồ Chí Minh. Vắng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1980. Vắng.

2/ Anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1984. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Chị Nguyễn Thị Cẩm L – sinh năm 1990. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1979; cư trú T phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

* *Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Cẩm L:* Anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; cư trú T phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2017 và ngày 03/01/2020).

5/ Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh T – Chủ tịch. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/7/2017, ngày 27/8/2017, ngày 21/9/2017 và ngày 25/9/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là cụ Đỗ Thị T (chết); người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Hữu T do ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị P và chị Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.965m² huyện Đ (nay là tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 308) là của bà nội của cố Đỗ T H là cụ cao Nguyễn Thị T di chúc lại cho cố H vào ngày 11/11/1934 (năm Bảo Đại thứ 9). Cố H (chết năm 1986) và cố Nguyễn Thị Đ (chết năm 1947) có 01 người con duy nhất là cụ T.

Trước khi đi tập kết, cố H cho cụ Trần V một phần đất thuộc thửa 308 để làm nhà ở. Sau đó, cụ V xin đất Hợp tác xã cấp làm nhà ở, nên để lại cho con trai là ông Trần Văn T (Trần T). Ngày 20/12/1980, cố H làm giấy cho chỗ đất trong vườn ở của cố H cho ông Trần Văn T (Trần T) và bà Phạm Thị C phần đất có

kích thước, giới cận như sau: *Bề dài từ đường quốc lộ đến đằng sau là 21 thước tây, bề ngang từ đường Quốc lộ đến kê cái giếng uống nước là 07 thước tây, từ kê cái giếng trở ra tới đằng sau bề ngang còn 06 thước tây. Phía Đông giáp đường Quốc lộ 1, phía Tây giáp vườn ở của cố H, phía Nam giáp vườn ở chủ Huỳnh T, phía Bắc giáp vườn ở của cố H.* Sau đó, ông T và bà C chuyển nhượng phần đất này cho bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Minh T vào năm 1999, được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho hộ ông Nguyễn Minh T vào ngày 15/11/2004 thuộc thửa đất số 179, diện tích 126,4m², tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 179). Việc đo đạc, xác định ranh giới trước khi cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T, nguyên đơn không biết và không ký giới cận. Năm 2006, bị đơn xây thêm 03 hàng gạch trên tường lửng (do ông T xây, còn xây năm nào nguyên đơn không nhớ) về phía Bắc thửa 179, nguyên đơn không cho xây, thì ông T nói đất ông đã được cấp GCNQSDĐ. Lúc đó, nguyên đơn mới biết hộ ông T được cấp GCNQSDĐ. Năm 2016, bị đơn có ý định xây dựng trên phần đất phía Tây của thửa 179, nguyên đơn ngăn cản nên xảy ra tranh chấp. Theo đo đạc thực tế, hiện bà P đang sử dụng phần đất có diện tích 142,3m² là nhiều hơn so với diện tích đất cố H cho ông T vào năm 1980, trong khi đó từ năm 1999 đến năm 2003, Nhà nước đã 02 lần thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1A (01 lần là 5,25m chiều dài, nhưng không bồi thường do không ảnh hưởng đến vật kiến trúc và 01 lần là 0,5m chiều dài có bồi thường), nên chiều dài thửa 179 chỉ còn 15,25m [21m – (5,25m + 0,5m)], nhưng kích thước các cạnh hiện nay bà P đang sử dụng lớn hơn kích thước cố H cho ông T, bà C. N đơn thừa nhận, từ khi bị đơn nhận chuyển nhượng nhà, đất của ông T, bà C đến nay, ngôi nhà vẫn còn nguyên hiện trạng, không thay đổi. Trên phần đất phía Tây hiện nguyên đơn tranh chấp có một phần tường nhà là do ông T xin cụ H mượn tạm để làm chuồng nuôi gà.

Nay, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T tiếp tục yêu cầu bị đơn phải trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T: Phần đất phía Tây, diện tích 33,5m² thuộc một phần thửa 179, có giới cận: Phía Đông giáp thửa 179; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165 (của nguyên đơn); phía Nam giáp đất của cụ Huỳnh T; tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất để trả lại 02 phần đất ở phía Bắc, có diện tích 6,11m² và 1,6m², tổng cộng là 7,71m² đều thuộc một phần thửa 179, cụ thể: Phần đất có diện tích 6,11m², có giới cận: Phía Đông giáp đường N, chiều dài 0,79m; phía Tây và phía Bắc giáp đất của cụ T, chiều dài 0,45m và 9,86m; phía Nam giáp đất của bà P, chiều dài 9,86m. Phần đất có diện tích 1,6m², có giới cận: Phía Đông và phía Nam giáp đất của bà P, chiều dài 0,55m và 4,77m; phía Tây và phía Bắc giáp đất của cụ T, chiều dài 0,12m và 4,77m; hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ cấp cho hộ ông T đối với thửa 179 vào ngày 15/11/2004. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

** Tại đơn xin trình bày, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị P do anh Nguyễn Minh T và anh Lưu Đức Vĩnh N là người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày: Năm 1999, bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Minh T (chết ngày 14/3/2010) có nhận chuyển nhượng nhà, đất của ông Trần T*

(Trần Văn T), bà Phạm Thị C. Hai bên có lập Giấy mua bán nhà, được UBND thị trấn Đ và UBND huyện Đ chứng thực theo quy định. Ngày 15/11/2004, hộ ông T được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp GCNQSDĐ thuộc thửa 179. Khi nhận chuyển nhượng nhà, đất từ ông T, bà C thì hai bên không tiến hành đo đạc, xác định ranh mốc giới do ông T, bà C đã xây tường bao quanh phía Tây thửa 179. Hiện trạng nhà, đất từ khi bà P, ông T nhận chuyển nhượng của ông T, bà C đến nay vẫn không thay đổi. Quá trình sử dụng, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A vào năm 2000 nên có thu hồi 0,5m chiều dài và có bồi thường. Năm 2016, bà P tháo dỡ tường rào phía Tây để sửa chữa lại nhà thì nguyên đơn tranh chấp. Trên phần đất phía Tây nguyên đơn tranh chấp, hiện vẫn còn một phần tường nhà cũ do ông T xây. Tường lưng phía Bắc là do ông T xây, bà P có xây thêm 03 hàng gạch phía trên tường lưng, nhưng nguyên đơn ngăn cản nên bà P phải xây tường riêng phía trong (tường nhà giữa) để thuận tiện cho việc sử dụng. Bà P sử dụng đúng khuôn viên phần đất nhận chuyển nhượng của ông T và bà C, không lấn chiếm đất của nguyên đơn, nên bà P không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà P không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P đồng ý trả lại cho nguyên đơn phần đất trống phía Tây thửa 179, có diện tích 4,03m².

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh, chị Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Cẩm L do anh Nguyễn Minh T và anh Lưu Đức Vĩnh N (là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Minh T) cùng trình bày: Các anh, chị T, T, T, L là con của bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Minh T. Các anh, chị T, T, T, L đồng ý với trình bày của bà P, không bổ sung hay yêu cầu gì khác.*

** Tại Văn bản số 771/UBND ngày 03/4/2018 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) có nội dung:*

Ngày 12/8/2003, ông Nguyễn Minh T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 126,4m², mục đích sử dụng: Đất ở, nguồn gốc sử dụng đất: Mua lại của ông Trần T ngày 01/01/1999, được UBND huyện chứng thực ngày 24/6/1999. Giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp kèm đơn: Giấy mua bán nhà đất. Ngày 10/6/2004, UBND thị trấn xác nhận: Về hiện trạng đất đai và tài sản: Như đã kê trong đơn; về nguồn gốc đất đai và tài sản: Mua của ông Trần T năm 1999; về tình trạng tranh chấp, khiếu nại đất đai: Sử dụng ổn định, không tranh chấp; về quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp với quy hoạch khu dân cư. Nội dung kê khai trong đơn đúng diện tích, đúng vị trí, đúng nguồn gốc sử dụng đất đồng thời đã được UBND thị trấn Đ niêm yết công khai kết quả xét đơn sau 15 ngày theo quy định của pháp luật, nhưng không có ai khiếu nại. Ngày 15/11/2004, UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp GCNQSDĐ thửa 179 cho hộ ông T. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T là đúng quy định tại điểm 3.a chương 2 và Mục I chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính.

Việc cụ Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) đã cấp cho hộ ông T vào ngày 15/11/2004 đối với thửa 179, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2022/DSST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 34, 37, 147, 157, 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, Điều 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 99, 100, 170 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị P, anh Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Minh T về việc trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Hữu T phần đất phía Tây, có diện tích 4,03m² được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3 (ký hiệu là E) thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26; phía Nam giáp đất của ông Huỳnh Quang T, bà Nguyễn Thị Thúy H đang quản lý, sử dụng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T về việc yêu cầu bà Phạm Thị P trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Hữu T phần đất phía Tây, có diện tích 29,47m² thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26; phía Tây giáp phần đất có ký hiệu là E; phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26; phía Nam giáp đất của ông Huỳnh Quang T, bà Nguyễn Thị Thúy H đang quản lý, sử dụng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T về việc yêu cầu bà Phạm Thị P phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất để trả lại 02 phần đất ở phía Bắc có diện tích 6,11m² và 1,6m², tổng cộng 7,71m² thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

- Phần đất có diện tích 6,11m², có giới cận: Phía Đông giáp đường N, chiều dài 0,79m; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,45m và 9,86m; phía Nam giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, chiều dài 9,86m.

- Phần đất có diện tích $1,6m^2$, có giới cận: Phía Đông và phía Nam giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,55m và 4,77m; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,12m và 4,77m.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị P: Giữ nguyên hiện trạng tài sản (đồng hồ nước, ống nước) trên phần đất có diện tích $6,11m^2$ thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp đường N, chiều dài 0,79m; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,45m và 9,86m; phía Nam giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, chiều dài 9,86m. Khi nào gia đình bà Phạm Thị P làm nhà mới hoặc chuyển nhượng thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cho người khác thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lê T, Nguyễn Hữu T phải tháo dỡ, di dời đồng hồ nước, ống nước để gia đình bà Phạm Thị P thực hiện quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Phần đất hoàn trả có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lê T, Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn Minh T đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15/11/2004.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

- Ngày 31/7/2022, ông Nguyễn Hữu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị P (là đại diện ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị T), gồm: ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Hữu T, bà Đỗ Thị Y, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Lê T, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Hữu T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy án sơ thẩm để xét xử lại vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa ông Trần T (Trần Văn T) vào tham gia tố tụng hoặc đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị P (là đại diện ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị T); nhận thấy:

[1.1]. Về tố tụng; xét thấy:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2022 (BL 658-659), ông Trần T, bà Phạm Thị C trình bày *“Kể từ khi chúng tôi sử dụng thì diện tích đất chúng tôi đã chuyển nhượng cho ông T, bà P không bị thu hồi ... hiện trạng ông T, bà P sử dụng diện tích đất bao nhiêu thì chúng tôi không biết, còn sau khi chuyển nhượng diện tích đất này có bị thu hồi hay không thì tôi không biết, ông T, bà P có lấn chiếm đất hay không thì chúng tôi cũng không biết, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật”*.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/5/2022, bị đơn bà Phạm Thị P đã trình bày trường hợp Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn sẽ là người trả đất cho nguyên đơn. Đồng thời tại Đơn trình bày ý kiến về kháng cáo của nguyên đơn (ngày 22/8/2022) ông Nguyễn Minh T là đại diện ủy quyền của bị đơn cũng xác định: ông T, bà C đã chuyển nhượng hợp pháp và đúng quy định pháp luật cho bị đơn và vợ chồng ông T cũng thừa nhận không còn quyền lợi gì nữa đối với việc tranh chấp này.

Do đó, xét thấy không cần thiết phải đưa vợ chồng ông Trần T, bà Phạm Thị C vào tham gia tố tụng như yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị P

[1.2]. Về nội dung:

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Diện tích 41,21m² đất đang tranh chấp là một phần trong thửa đất thuộc sổ thửa 179, tờ bản đồ 26, diện tích 126,4m² mà UBND huyện Đ đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Minh T; có nguồn gốc là phần đất mà cố Đỗ T H cho ông Trần T (Trần Văn T), bà Phạm Thị C theo giấy cho đất ở đề ngày 20/12/1980. Ngày 01/01/1999, ông T và bà C lập Giấy mua bán nhà cho ông T, bà P được UBND thị trấn Đ xác nhận ngày 20/3/1999 và UBND huyện Đ chứng thực vào ngày 24/6/1999.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả 02 phần đất phía Bắc, có diện tích 6,11m² và 1,6m²; tổng cộng 7,71m² thuộc một phần thửa 179; nhận thấy:*

- Theo Giấy cho đất thể hiện phần đất cố Đỗ T H cho ông T, bà C có kích thước, giới cận như sau: *Bề dài từ đường quốc lộ đến đằng sau là 21 thước tây, bề ngang từ đường Quốc lộ đến kẻ cái giếng uống nước là 07 thước tây, từ kẻ cái*

giếng trở ra tới đằng sau bề ngang còn 06 thước tây. Phía Đông giáp đường Quốc lộ 1, phía Tây giáp vườn ở của cố H, phía Nam giáp vườn ở chủ Huỳnh T, phía Bắc giáp vườn ở của cố H (BL 449).

- Tại Biên bản làm việc ngày 27/5/2022, ông Huỳnh Quang T và bà Nguyễn Thị Thúy H (hộ liền kề phía Nam thửa 179), trình bày: ...Cha của ông, bà là cụ Huỳnh T làm nhà trên đất mua của cố H vào năm 1975, lúc đó đã có đường luống (khoảng trống) giữa nhà ông, bà đang ở với thửa 179. Ông, bà không tranh chấp đường luống (khoảng trống) giữa hai nhà. Năm 2008, ông bà làm nhà trên khuôn viên nhà cũ của cụ Huỳnh T... (BL 685-686).

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/02/2022, ông Trần T và bà Phạm Thị C trình bày: "... ông, bà có chuyển nhượng cho ông T, bà P ngôi nhà cấp 4, có gác bằng gỗ, mái lợp ngói đỏ, tường xây gạch, diện tích $105m^2$ ($7m \times 15m$) trên diện tích đất có chiều ngang (cạnh Đông) là $7m$; chiều ngang (cạnh Tây) là $6m$; chiều dài mỗi cạnh Nam và Bắc là $21m$... sau khi được cho đất, ông bà đã sửa lại căn nhà và xây tường bao quanh toàn bộ diện tích đất, nên khi chuyển nhượng ông, bà bàn giao toàn bộ diện tích đất đã được xây tường bao quanh cho ông T, bà P; các bên không lập biên bản đo đạc, xác định ranh mốc giới có ký xác nhận các hộ liền kề; quá trình ông, bà sử dụng đất không ai tranh chấp, cũng không bị Nhà nước thu hồi đất; tại thời điểm chuyển nhượng thì phía Tây có con đường mòn, thực chất diện tích đất này của cố H sau đó cho ông, bà để khi làm nhà trở cửa cho thoáng, qua diện tích con đường này mới đến diện tích đất của cụ Huỳnh T..." (BL 458-459).

- Tại công văn số 1153/UBND ngày 17/5/2021 và công văn số 1234/UBND ngày 10/6/2022 của UBND huyện Đ BL 559 và 561), thể hiện: "Phía Nam thửa 179 là đường đi chung, để thoát nước mưa của hai nhà (thửa 179 và thửa đất hiện ông T, bà H đang quản lý, sử dụng) và hai bên đã xây nhà ổn định, khoảng trống này hiện không ai quản lý, sử dụng nên thuộc UBND phường N quản lý". Đồng thời tại giấy mua bán nhà đất năm 1999 giữa vợ chồng ông Trần T và vợ chồng ông Nguyễn Minh T cũng thể hiện rõ phía Nam của thửa đất 179, tờ bản đồ số 26 là đường đi. Mặc khác, tại công văn số 131/UBND ngày 04/7/2022, UBND phường N (BL 688), cũng xác định: "Trước đây, khoảng đất trống là đường đi chung giữa nhà ông Huỳnh Quang T và bà Phạm Thị P, hiện nay không còn đi nữa và dùng để thoát nước mưa chung cho hai nhà, nên phần đất này thuộc về UBND phường N quản lý".

Từ phân tích trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 02 phần đất phía Bắc, có diện tích $6,11m^2$ và $1,6m^2$; tổng cộng $7,71m^2$ thuộc một phần thửa 179 là có căn cứ.

* Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả phần đất phía Tây thửa 179, diện tích $33,5m^2$; nhận thấy:

- Theo Giấy cho đất thể hiện phần đất cổ Đỗ T H cho ông T, bà C có kích thước, giới cận như sau: "Bề dài từ đường quốc lộ đến đằng sau là 21 thước tây, bề ngang từ đường Quốc lộ đến kề cái giếng uống nước là 07 thước tây, từ kề cái giếng trở ra tới đằng sau bề ngang còn 06 thước tây. Phía Đông giáp đường

Quốc lộ 1, phía Tây giáp vườn ở của cố H, phía Nam giáp vườn ở chủ Huỳnh T, phía Bắc giáp vườn ở của cố H". (BL 449).

- Theo Sơ đồ mặt bằng nhà và đất giữa bên bán là ông Trần T với bên mua là ông Nguyễn Minh T, được UBND thị trấn Đ xác nhận ngày 20/3/1999, thể hiện: Chiều ngang phía Đông, rộng 6,6m; chiều ngang phía Tây, rộng 5,5m; chiều dài phía Bắc 20,6m và phía Nam dài 21,2m. Ngoài ra, theo Sơ đồ nói trên còn thể hiện phía Nam giáp đường đi giáp nhà cụ Huỳnh T (BL 14).

- Tại Biên bản làm việc ngày 31/5/2018 (bút lục 247), đại diện UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cung cấp thông tin cho Tòa án, cụ thể: *"Đường Quốc lộ 1A mở rộng một lần vào năm 2000, có hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ. Trước đó có nâng cấp đường Quốc lộ 1A, không có bồi thường nên không có hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ"*.

- Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 165 (do cụ T quản lý, sử dụng), (bút lục 226) thể hiện kích thước các cạnh của thửa 165, trong đó chiều dài từ điểm 5 đến điểm 6 (cạnh Nam của thửa 165, tức cạnh phía Bắc của thửa 179) là 19,2m; chiều rộng từ điểm 6 đến điểm 7 (cạnh Đông của thửa 165, tức cạnh phía Tây của thửa 179) là 5,51m.

- Theo Bản đồ địa chính khu đất do Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường Quảng Ngãi thực hiện ngày 10/9/2020, thể hiện: Chiều ngang phía Đông giáp đường Quốc lộ 1A rộng 7,79m; chiều ngang phía Tây giáp thửa 165, theo chỉ dẫn của nguyên đơn rộng 5,15m, còn theo chỉ dẫn của bị đơn rộng 5,47m; chiều dài cạnh phía Bắc giáp thửa 165 là 19,85m; chiều dài cạnh phía Nam giáp đất hiện ông Huỳnh Quang T đang quản lý, sử dụng là 21,34m.

- Tại Công văn số 38/UBND ngày 08/01/2021 của UBND thị xã Đ về việc cung cấp thông tin cho Tòa án (BL 551), xác định ranh giới, kích thước các cạnh của thửa 179 theo GCNQSDĐ như sau: *"Phía Đông giáp đường N (Quốc lộ 1A) có chiều dài 7,27m; phía Tây giáp với đất của hộ cụ Đỗ Thị T có chiều dài 5,51m; phía Bắc giáp với đất của hộ cụ Đỗ Thị T có chiều dài 19,2m; phía Nam giáp với đất của ông Huỳnh Quang T có chiều dài 22,98m"*.

- Tại Biên bản làm việc ngày 31/5/2018 (BL 247), đại diện UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) đã xác định: *"Đường Quốc lộ 1A mở rộng một lần vào năm 2000, có hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ. Trước đó có nâng cấp đường Quốc lộ 1A, không có bồi thường nên không có hồ sơ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ"* và theo hồ sơ thu hồi, bồi thường để mở rộng Quốc lộ 1 của hộ ông T do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đ cung cấp cho Tòa án kèm theo Công văn số 273/PKT&HT ngày 26/12/2017 (BL 332), thể hiện thửa 179 Nhà nước thu hồi 3,5m² đất (7,08m x 0,5m), (BL 314). Mặt khác, ông T và bà C xác định quá trình ông, bà sử dụng đất thì Nhà nước không thu hồi đất. Đến ngày 01/01/1999, ông T và bà C mới chuyển nhượng nhà, đất cho bị đơn. Do đó, có cơ sở xác định Nhà nước chỉ thu hồi đất vào năm 2000 đối với thửa 179 là 0,5m chiều dài, còn trước năm 2000 Nhà nước chỉ nâng cấp đường Quốc lộ 1A như UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) xác định là hoàn toàn phù hợp.

Như nhận định trên, chỉ có cơ sở xác định Nhà nước thu hồi, bồi thường 01 lần vào năm 2000 để mở rộng đường Quốc lộ 1A là 0,5m chiều dài, nên chiều dài của thửa 179, phía Bắc còn lại là 20,1m (20,6m – 0,5m); phía Nam còn lại là 20,5m (21m – 0,5m). Tuy nhiên, thực tế bị đơn đang sử dụng phần đất có chiều dài phía Bắc là 19,85m ít hơn so với phần đất được cho là 0,25m (20,1m – 19,85m); còn chiều dài phía Nam là 21,34m, nhiều hơn so với phần đất được cho là 0,84m (21,34m – 20,5m), tương ứng diện tích đất 2,3m² nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn tự nguyện giao cho nguyên đơn phần đất trống phía Tây thửa 179, có diện tích 4,03m², nên án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện này là đúng pháp luật.

** Về yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho hộ ông T đối với thửa 179; xét thì thấy:* Theo nhận định trên, phần diện tích đất buộc bị đơn trả và phần diện tích đất bị đơn tự nguyện giao cho nguyên đơn chỉ có diện tích 4,03m² là rất nhỏ, nên không cần thiết phải hủy GCNQSDĐ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

- Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo đương sự có kháng cáo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng quy định tại Điều 276 BLTTDS. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có kháng cáo đều trình bày giữ nguyên kháng cáo; đồng thời để tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc thông báo nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông bà sau: ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Hữu T, bà Đỗ Thị Y, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị P (là đại diện ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị T), gồm: ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Hữu T, bà Đỗ Thị Y, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Hữu T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 34, 37, 147, 157, 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, Điều 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 99, 100, 170 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T và ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị P, anh Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Minh T về việc trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Hữu T phần đất phía Tây, có diện tích $4,03m^2$ được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3 (ký hiệu là E) thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26; phía Nam giáp đất của ông Huỳnh Quang T, bà Nguyễn Thị Thúy H đang quản lý, sử dụng.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T về việc yêu cầu bà Phạm Thị P trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Hữu T phần đất phía Tây, có diện tích $29,47m^2$ thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26; phía Tây giáp phần đất có ký hiệu là E; phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26; phía Nam giáp đất của ông Huỳnh Quang T, bà Nguyễn Thị Thúy H đang quản lý, sử dụng.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T về việc yêu cầu bà Phạm Thị P phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất để trả lại 02 phần đất ở phía Bắc có diện tích $6,11m^2$ và $1,6m^2$, tổng cộng $7,71m^2$ thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

- Phần đất có diện tích $6,11m^2$, có giới cận: Phía Đông giáp đường N, chiều dài 0,79m; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,45m và 9,86m; phía Nam giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, chiều dài 9,86m.

- Phần đất có diện tích $1,6m^2$, có giới cận: Phía Đông và phía Nam giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,55m và 4,77m; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,12m và 4,77m.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị P: Giữ nguyên hiện trạng tài sản (đồng hồ nước, ống nước) trên phần đất có diện tích $6,11m^2$ thuộc một phần

thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp đường N, chiều dài 0,79m; phía Tây và phía Bắc giáp thửa đất số 165, tờ bản đồ số 26, chiều dài 0,45m và 9,86m; phía Nam giáp thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, chiều dài 9,86m. Khi nào gia đình bà Phạm Thị P làm nhà mới hoặc chuyển nhượng thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cho người khác thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Hữu T phải tháo dỡ, di dời đồng hồ nước, ống nước để gia đình bà Phạm Thị P thực hiện quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Phần đất hoàn trả có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

2.5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Thị T gồm các ông, bà Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu T, Đỗ Thị Phi Y và các anh, chị Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Nguyễn Minh T đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15/11/2004.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí tố tụng được thi hành theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Các ông bà sau: ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Hữu T, bà Đỗ Thị Y, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Hữu T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào